

Công năng đại định

Hồng Phúc

Đức Quảng Đức Chơn Tiên, trong một lần giảng cơ dạy Đạo, đã nhắc nhở:

“Thiếu công năng đại định thì không thể hiện đạo hạnh thanh cao của người tu, làm cho khảo đảo không yên trong tập thể.”

Theo Đại Tự điển tiếng Việt do Nguyễn Như Ý chủ biên, Công năng có nghĩa là công dụng, nhiệm vụ và vai trò. Tự điển Hán Việt Đào Duy Anh giải thích: Sức làm được là Công; tài làm được là Năng.

Từ Đại định, theo Phật Học tự điển của hai tác giả Chân Nguyên và Nguyễn Tường Bách, có nghĩa là trạng thái chú tâm lên một đối tượng duy nhất bằng sự lắng lọc từ từ của tâm. Định là một dạng tâm thức, trong đó không còn tính nhị nguyên, trong đó chủ thể biến thành một với khách thể, lúc đó chỉ còn một “kinh nghiệm tâm thức” là có thật. Khả năng đạt định là một trong những điều kiện tiên quyết để tu tập. Định tâm tức tâm đã đạt được.

Công năng có thể hiểu là năng lực có được nhờ các phép thiền định, còn gọi là Định lực, giúp hành giả tùy cơ ứng biến, làm đâu đúng đó mà không cần phải suy nghĩ đắn đo. Định lực vượt qua các kết quả của sự tập trung đơn giản. Định lực là

một năng lực diệu kỳ, một lần đã được đánh thức, giúp hành giả hành động, phản ứng đúng lúc, thích hợp với những điều kiện, trường hợp không tiên đoán trước. Ai phát triển được định lực thì không còn là nô lệ của sự ham muốn vọng tưởng và cũng không còn là nạn nhân của thế giới xung quanh.

Theo đạo Phật, hành giả nhờ Định mà đạt đến trạng thái sâu lắng của tâm thức, trong đó toàn bộ tâm thức chỉ chú ý đến một đối tượng thiền định thuộc về tâm hay vật. Tâm thức sẽ trải qua nhiều chặng, trong đó lòng tham dục dần dần suy giảm, nhờ vào sự tu tập được ngũ căn, làm chủ tâm, kiểm soát được tâm, tạo nên sức mạnh, biến thành ngũ lực, mà theo Phật giáo là:

- Tín: Lòng tin, đức tin (tin người, tin chính mình)
- Tấn (Viriya) là tinh tấn, cần chuyên, dũng mãnh, cố gắng, nỗ lực, ráng sức...
- Niệm: Nghĩ đến, tưởng đến, nhớ, trí nhớ, ghi nhận, chú tâm...
- Định: Tâm không loạn, luôn luôn trầm tĩnh, bình tĩnh, ổn định, không xao động trước mọi tình huống, cảnh trạng của cuộc đời.
- Tuệ: Đặc tính của tuệ căn là sự sáng suốt, thấy rõ nhân quả, tội phước, thấu đạt thực tướng, thấy biết rõ ràng bản chất của sự vật.

ĐỊNH LÀ YÊN LẶNG

Chơn lý của vũ trụ là yên lặng. Yên lặng là lẽ thật, là huyền bí,

là không vọng động, nên cũng gọi là chơn như. Định là chánh, loạn là tà, nên mới gọi chánh định; và cũng là có chánh mới có định, chánh định là Niết-bàn, tâm người trở lại chánh định chơn như sau khi toàn giác, gọi là Như Lai hay là Phật. Thế nên chánh định là chỗ sanh ra tất cả chúng sanh, vạn vật và các pháp, mà cũng là chỗ trở về hay chỗ đến nghỉ ngơi hưu trí của chúng sanh, vạn vật và các pháp.

Thế của định là vũ trụ bao la vô cực. Tượng của định là chơn như không vọng động, Dụng của định là thay đổi, tiến hóa, an vui, giác ngộ. Lý của định là tự nhiên chơn thật. Thân của định là giới. Trí của định là huệ. Tánh của định là chơn. Định là một năng lực mạnh mẽ nhất, đạt đến chỗ cao nhất gọi là Đại Định. Tâm định thì trí mới huệ, huệ nhiều ít là do định. Định nhiều là huệ nhiều, định ít là huệ ít, không định là không huệ.

Pháp môn Cao Đài cũng không ngoài nguyên lý chung của Thiền định:

“Thiền là tâm vô niệm.

Định là dừng lại tất cả.”⁻¹

Thiền (hay là thiền na) có nghĩa là dùng tâm tĩnh lặng, trống không để suy tư một chủ đề đạo pháp. Định (hay là tam muội) có nghĩa là tập trung tư tưởng vào một vấn đề duy nhất. Thánh giáo Cao Đài dạy:

1. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 10-11 Kỷ Mùi (28-12-1979).

“Công phu là lìa tướng để rèn tâm, từ lâu tâm đã phóng tán mê trầm, nay giác ngộ quay về căn bản. Chơn Tâm tự thể không gì phân biệt, mà sự phân biệt ấy bởi vọng tâm. Trong các giờ thiền định công phu, chư đệ có lai phục được nhất dương để dễ dàng trúc cơ và tiến lên đến bước viên minh tự tánh. Công phu tịnh tọa là giữ cho trong đừng tán loạn, ngoài lìa xa các tướng, lâng lâng nhẹ nhàng, hô hấp dường như không còn thấy là hô hấp, lần lần nhập vào cảnh không có, không không. Nhưng có và không đều vẫn ứng với nhau đem nguồn lành rưới chan cho hành giả.”⁻²

Trạng thái sâu lắng của tâm thức khi thiền định được Thiền sư nổi tiếng người Anh David Fontana mô tả:

“Thiền không có nghĩa là ngủ gục, để tâm chìm lặng vào cõi hôn mê, trốn tránh xa lìa thế gian, vị kỉ, chỉ nghĩ tới mình; làm một việc gì không tự nhiên, để rơi mình vào vọng tưởng, quên mình ở đâu. Thiền là giữ tâm tỉnh táo, linh động, chú tâm, tập trung, nhìn thế giới hiện hữu rõ ràng như nó là, trau dồi tấm lòng nhân đạo, biết mình là ai, ở đâu.

Thiền định có 4 giai đoạn để đạt đến Đại định:

– Trong giai đoạn một, hành giả từ bỏ lòng tham dục và các pháp bất thiện, nhờ chuyên tâm suy tưởng mà đạt đến. Trong cấp này, hành giả có một cảm giác về hỉ lạc.

– Trong giai đoạn hai, tâm suy tưởng được thay thế bằng

2. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo lý Đại Đạo, 01-12 Đĩnh.Ty (09-01-1978).

một nội tâm yên lặng và tâm thức trở nên sắc sảo bén nhọn, xuất phát từ sự chú tâm quán sát. Hành giả tiếp tục ở trạng thái hỉ lạc.

- Qua giai đoạn ba, tâm hỉ lạc giảm, tâm xả bỏ hiện đến, hành giả tỉnh giác, cảm nhận sự nhẹ nhàng khoan khoái.

- Trong giai đoạn bốn, hành giả an trú trong sự xả bỏ và tỉnh giác, tức nhập định.

Khi người hành giả bước vào trạng thái nhập định rất sâu hay đại định thì một sự trống không vắng lặng xuất hiện trong tâm thức. Khi đó thì tâm thức không còn bị sự che chướng bởi vô số những điều phiền nhiễu, sẽ trở nên sáng suốt một cách tự nhiên. Khi việc ấy xảy ra, hành giả cảm thấy tràn đầy một nguồn hạnh phúc vô biên và an lạc tuyệt vời không thể tả. Hành giả cũng cảm thấy tràn đầy một tình thương yêu bao la rộng lớn và nồng nàn đối với toàn thể chúng sanh trong vũ trụ. Lúc ấy người ngoài sẽ nhìn thấy xác thân của người hành giả hoàn toàn bất động như đã chết, vì mọi sinh hoạt đều ngưng hẳn. Trong trạng thái nhập định rất sâu, cho đến hơi thở của hành giả cũng khó nhận biết được.”³

Chỉ có trong trạng thái đó hành giả mới hoàn toàn khai mở được trí tuệ sáng suốt của bản tâm, nhận thức được rõ ràng về bản chất thật sự của bản thân mình và vạn hữu, vốn

3. Pháp môn Brahma Chinta (bí thuật Yoga Tây Tạng – Đông Phương huyền bí – A search in secret India của Paul Brinton Nguyễn Hữu Kiệt dịch.

không có sự khác biệt. Khi đó hành giả mới xóa bỏ được sự phân biệt giữa bản ngã nhỏ hẹp với sự sống của vạn hữu, và sẽ thấy bản thân mình với mọi sinh linh khác đều cùng một thể tánh sáng suốt như nhau.

Đỗ Trân Duy – một nhà nghiên cứu Thiên Kitô giáo, đã viết:

“Theo Đạo học Đông Phương, tâm là một bản thể tĩnh lặng. Tâm như bầu trời là một khoảng trống mênh mông, không màu sắc, không tiếng động, không quá khứ, không tương lai. Trong khi đó tư tưởng như những đám mây vần vũ, luôn luôn di chuyển, thay hình đổi dạng, và che khuất bầu trời. Người chứa đầy tư tưởng trong trí óc cũng như bầu trời bị mây phủ dày đặc. Như vậy tâm vốn an tịnh, mọi rắc rối đều bởi trí óc mà ra. Chúng là tiến trình của những chuỗi tư tưởng đến rồi đi. Do đó tư tưởng chỉ là cái nhất thời. Chúng không phải là ta, nhưng là những kẻ bên ngoài tới rồi đi như những vị khách. Ta đón nhận chúng, khách tốt lẫn khách xấu, nhưng không thay đổi vị thế chủ nhà của mình. Có nghĩa là trí biến dịch nhưng ta vẫn tồn tại ở đây với tâm thanh khiết và đơn thuần. vén mây để nhìn vào bầu trời, đặc ngữ thiền gọi là “quán tâm” (nhìn vào nội tâm). Nhìn ra sự thanh khiết của bầu trời (tâm) gọi là “ngộ” (trực giác biết không qua trí thức). Muốn nhìn vào bên trong tâm, đơn giản chỉ là ngồi im lặng gạt bỏ mọi tạp niệm, tức ngồi thiền. Thiền là đẩy những đám mây mù đặc để bầu trời (tâm) yên tĩnh hiện ra.”

Vivekananda cho rằng: Trạng thái siêu thức hay đại định là một trạng thái cao nhất của đời người. Nó đem lại cho con người sự an lạc thật sự. Hạnh phúc của con thú là ăn uống, của con người là suy tư và của tiên thánh là đại định. Thế giới chỉ hiện ra trong tất cả sự huy hoàng của nó cho những ai thực hiện được sự đại định. Dưới mắt những ai đã diệt hẳn dục vọng, sự biến chuyển của vạn vật dưới thiên hình vạn trạng sẽ hiện ra trong một quang cảnh nguy nga kỳ diệu.

Ai ai cũng có thể tiến đến sự đại định. Khi ta tiến đến đó ta mới ý thức được thế nào là tôn giáo. Hiện nay, không khác người vô thần, vì chúng ta chưa có một chứng nghiệm nào, Thiền sẽ đem lại cho chúng ta chứng nghiệm đó. Các giai đoạn mà chúng ta phải trải qua để tiến đến sự đại định, đã được quy định một cách khoa học và giúp ta thực hiện mục đích của ta. Chừng đó, các buồn bực, khổ đau sẽ tiêu tan, dây nhân quả sẽ chấm dứt và linh hồn sẽ hoàn toàn tự tại.

Trong quyển “Minh triết trong đời sống” của tác giả Darshani Deane do Nguyễn Phong dịch, đã viết về “Tám bậc thang của thiền” như sau:

“Khoa Raja Yoga dạy có tám bậc thang hay “Ashtanga Yoga” giúp con người đi từ thấp lên đến tột đỉnh của sự tiến hóa tâm linh:

– Hai bậc thang đầu chú trọng đến việc sửa đổi tính tình và phát triển tâm hồn trong sạch qua phương pháp dưỡng sinh, ngủ nghỉ đều đặn trong một kỷ luật nhất định.

- Bậc thứ ba là Hatha Yoga (Tur Thế) hay cách kiểm soát thân thể. Muốn thiền định cho thâm sâu, thân thể phải hoàn toàn thoải mái để có thể ngồi yên bất động trong thời gian lâu dài. Tư thế tọa thiền có vững chãi thì mới đem lại sự thăng bằng cho nội tâm.

- Bậc thang thứ tư là Pranayama (Khí Công) hay cách điều hòa hơi thở. Muốn thở thật chậm, thật sâu, thật từ tốn và thật ý thức thì người ta phải thực hành phương pháp hô hấp này.

- Bậc thang thứ năm là sự thâm nhập các giác quan vì các giác quan có rút khỏi các mục tiêu cố định của chúng thì người ta mới có thể kéo dài việc định trí.

- Bậc thang thứ sáu là sự tập trung, vì thiếu tập trung thì không thể đi lên giai đoạn thứ bảy. Các sách vở về Yoga đều nói rằng sau giai đoạn đầu giống như việc xây nhà phải đắp móng, dựng nền nhà cho thật vững chắc, xây tường vách cho kiên cố trước khi lợp mái nhà.

- Khi đã ngồi yên, tập trung tư tưởng, hoàn toàn làm chủ thân và tâm thì người ta sẽ bước vào trạng thái “Định” hay bậc thang thứ bảy.

- Bậc thang thứ tám hay Đại Định (Samadhi) không thể tập luyện được, nó là cái sức mạnh thiêng liêng dồi dào trong nội tâm nhờ công phu tu tập đã “nâng” tâm thức người ta lên mức đó.”

Đức Chí Tôn đã dạy một cách đơn giản như sau:

“Các con muốn thông suốt lý tinh vi thì cần phải sửa tâm cho

*chính đĩnh, tập tánh chí thiện chí mỹ cho hiệp lễ điều hòa, thuận
tùng Chơn Đạo.*

*Trong cơ mầu nhiệm của Phật Trời rất nhiều phép lạ, nhưng
không bao giờ các con lấy mắt thịt, trí phàm, tai tục mà dò xét
thấu lẽ hư linh đâu.*

*Các con muốn thấu lẽ hư linh, trước phải định cái tâm, gìn
cái ý, nhắm mắt, bịt tai thì có lẽ rõ chút ít.*

*Trong pháp nhiệm, nó ẩn vi sâu kín, cao xa, dầu lấy nước
biển vẽ vờ cũng không suốt lý. Thánh trước Hiền xưa ra công
tham khảo mãn kiếp cùng đời mà vén chưa đặng màn bí mật
của Tạo Hóa đốn ngăn. Nhưng cần nhất là trầm tư mặc tưởng,
nhập định tham thiền thì gặp Chơn Tiên khẩu truyền cho rõ Đạo,
chớ sự mầu nhiệm tuyệt xảo của Trời, dầu Phật Tiên cũng chưa
tri nổi.”⁴*

LÀM THẾ NÀO NHẬP ĐỊNH?

Muốn nhập định không phải một lần mà được định. Hành giả phải dò lối, bước đi từng bước và tập lần lần. Từ nhỏ đến lớn, thân và miệng sanh tập thành ý, mà thân miệng ác nên ý phải ác, vậy phải sửa thân và khẩu cho thiện thì ý mới thiện. Mắt tai mũi lưỡi thân sanh ra ý, vậy muốn phục ý thì trước phải phục mắt tai mũi lưỡi thân. Ý vốn hay chuyền theo các cửa, vậy hãy

4. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 25-8 Bính Tý (1936), bài “Khuyến tu cho thuận Thiên ý”.

đóng cửa là ý hết chỗ leo trèo, lâu ngày mỗi mệt sẽ nằm yên. Hễ định được thì thần thông và trí huệ sẽ có một lượt.

CHƯƠNG NGẠI HAY TRIỀN CÁI TRONG NHẬP ĐỊNH

Theo Thiền sư Ajahn Brahmavamsa trong bài viết “The Five Hindrances”, trong tiến trình tu tập hành thiền để tiến đến đại định, có 5 Chương ngại chính cản trở hành giả, Phật giáo gọi là “triền cái” là sự ngăn che, làm cho vướng mắc trong vòng luân hồi, gồm có:

- Tham dục (Kāmacchanda, Sense desire)
- Sân hận (Vyāpāda, Ill will)
- Hôn trầm (Thīna-middha, Sloth and Torpor)
- Trạo cử (Uddhacca-kukkucca, Restlessness)
- Hoài nghi (Vicikicchā, Doubt)

1. Tham dục là để chỉ trạng thái mong cầu dục lạc, vui thú qua năm giác quan của hình dáng, âm thanh, mùi hương, vị nếm, và cảm xúc. Trong khi hành thiền, thiền sinh vượt qua lòng tham dục bằng cách buông xả mọi quan tâm về thân thể và hoạt động của năm giác quan. Khi vượt qua được tham dục, tâm của thiền sinh sẽ không còn để ý đến các hứa hẹn của khoái lạc và cũng không còn để ý đến sự khoan khoái của cơ thể. Thân thể dường như tan biến và năm giác quan dường như đóng lại.

2. Sân hận là để chỉ trạng thái mong muốn trừng phạt, gây khổ hoặc tàn phá. Nó bao gồm lòng thù ghét một người hoặc một hoàn cảnh nào đó. Sân có nguồn gốc từ ích kỷ và ganh ghét. Đức Phật ví lòng sân hận như thể người bị bệnh. Bệnh tật cản trở sự tự do và hạnh phúc của sức khỏe. Để diệt lòng sân hận, Đức Phật dạy phải dùng lòng bi mẫn và từ ái. Lòng bi mẫn là mong muốn mọi người thoát khỏi khổ đau, lòng từ ái là mong muốn mọi người đều được hưởng hạnh phúc.

3. Hôn trầm chỉ trạng thái nặng nề của cơ thể và mờ tối của tâm thức, kéo con người vào một sự lờ đờ và chán nản. Đó cũng là trạng thái tâm lý mệt mỏi, uể oải, lười biếng, buồn ngủ. Đức Phật ví nó như thể bị giam vào một phòng tối, chật chội, không thể di chuyển tự do, trong khi bên ngoài là trời nắng sáng. Trong khi hành thiền, nó làm cho hành giả có những giác niệm rời rạc, yếu ớt và từ đó đưa đến sự ngủ gục trong lúc thiền mà lại không biết.

4. Trạo cử hay còn gọi là phóng tâm, là trạng thái tâm và thân như khỉ vượn chuyền cành, không bao giờ chịu ở yên, luôn lay động và/hoặc suy nghĩ lung tung. Nó được tạo ra từ trạng thái tìm lỗi trong tâm, không bao giờ chịu thỏa mãn với sự việc như thật, và như thế phải phóng ra ngoài tìm những hứa hẹn tốt hơn, lúc nào cũng nhìn sang nơi khác. Đức Phật ví trạo cử như một tên nô lệ, tiếp tục chạy

nhảy theo lệnh của ông chủ khắc nghiệt luôn luôn đòi hỏi sự toàn hảo, và như thế không bao giờ cho phép nó được dừng nghỉ.

Hối hận là một trạng thái đặc biệt của trạo cử, là nghiệp quả của các hành động bất thiện. Cách duy nhất để vượt qua hối hận – sự trạo cử do lương tâm cắn rứt – là phải giữ gìn giới đức, tập sống tử tế, khôn ngoan và dịu dàng. Một người không có đạo đức hoặc sống buông lung thì không thể nào có được các kết quả sâu sắc trong khi hành thiền.

5. Hoài nghi là cái lòng nghi ngờ ngăn che không thấy sự thật, chỉ trạng thái nội tâm đặt nhiều câu hỏi rối ren về khả năng của bản thân. Là sự hoang mang không biết có tu đúng phương pháp, đúng mục đích hoặc nghi vấn về pháp hành: “Không biết cách này có đúng không?”. Đức Phật ví nghi ngờ như thể bị lạc trong sa mạc, không nhận ra được các mốc điểm. Hoài nghi sẽ tan biến khi tâm thức hoàn toàn tin tưởng vào sự vắng lặng, không còn gây rối loạn bởi các câu nói phát ra từ bên trong nội tâm.

Trong phẩm Năm Pháp, Tăng Chi Bộ, Đức Phật có nói về tầm quan trọng của việc đoạn tận năm triền cái như sau:

– “Vị Tỳ-khưu nào sau khi đoạn tận năm triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ, thì vị ấy sẽ có sức mạnh, có trí tuệ, sẽ biết được lợi ích của mình, sẽ biết được lợi ích của người, sẽ biết được lợi ích của cả hai, sẽ chứng ngộ được pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng, xứng đáng là bậc Thánh.”

TẠM KẾT

Công năng Đại Định có thể hiểu đơn giản là năng lực có được từ sự Đại định, khởi đầu với pháp môn Công phu tịnh định trước hết là nhằm giúp người tu an định thân tâm, làm tròn sứ mạng con người nơi chốn thế gian, như lời dạy của Đức Đông Phương Chưởng Quản:

*“Tâm có định rồi thân mới an,
Tâm còn điên đảo ắt nguy nàn,
Công phu là để tâm an định,
Nên Đạo nên người chốn thế gian.”⁵*

Nhưng, Công năng Đại Định không chỉ dừng nơi sự thể hiện đạo hạnh thanh cao của người tu mà nếu thiếu vắng sẽ gây khảo đảo không yên trong tập thể như lời dạy của Đức Quảng Đức Chơn Tiên, mà còn mở rộng đến sự thành tựu của một sự tu chứng để hoàn thành sứ mạng trọng đại như lời Đức Tôn Sư đã xác định:

“Tu là phải chứng. Có như vậy chư hiền đệ mới hoàn thành sứ mạng trọng đại đã ban trao. Tu chứng có hai phần:

1. Phần do nội giới tu chứng, phần này sẽ đạt đến chỗ lục thông.

2. Phần đức độ uy nghi, tác phong thuần phác, đó là tiêu biểu của Chơn Nhơn. Tuy hai mà một, ảnh hưởng thành tựu

5. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 04-6 Tân Dậu (05-7-1981).

không riêng.”⁶

Sự tu chứng này theo nhà bác học Nga là E. Mun-đa-sép, đó là “Tu tập thăng hoa trí tuệ tâm linh mang năng lượng tích cực”, không chỉ mang lợi ích cho cá nhân người tu hay một tập thể tôn giáo mà còn là “thiện ích cho tất cả chúng sinh, cho toàn vũ trụ, cho sự nghiệp giác ngộ chung.” (...) Tôi tin rằng, trong tương lai, những lực lượng tích cực trên Trái đất sẽ áp đảo lực lượng tiêu cực và sẽ không có thảm họa toàn cầu.” (E. Mun-đa-sép).

- J. Krishnamurti: “Tự do đầu tiên và cuối cùng” đã viết: “Muốn chuyển hóa thế giới, chuyển hóa sự khốn khổ, chiến tranh, nạn thất nghiệp, nạn đói, sự phân chia giai cấp và tất cả sự hỗn loạn khắp nơi thì chúng ta phải chuyển hóa chính bản thân mình. Cuộc cách mạng phải bắt đầu được nhóm dậy trong chính tâm tư mình, chứ không phải lệ thuộc vào bất cứ tín ngưỡng hay ý thức hệ nào (...)”.

- Tham khảo tác phẩm danh tiếng “Chúng Ta Thoát Thai Từ Đâu” của tác giả người Nga, E. Mun-đa-sép, có đoạn: “Thầy Đa-ram nói: Năng lượng linh hồn là năng lượng ở ngoài electron và ngoài proton. Nhưng tâm năng mạnh mẽ vô cùng, nó có khả năng tác động lên lực hấp dẫn. Năng lượng của nhiều tâm có một sức mạnh lớn lao. Có tâm năng tích cực và tâm năng tiêu cực, chúng gắn liền với nhau.(...)”

6. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 09-10 Tân Dậu (05-11-1981).

Tâm năng tiêu cực (xấu ác) có thể thu hút các đối tượng phá phách của vũ trụ, tác động lên thiên nhiên. Bởi vậy, cùng với xung đột và chiến tranh, khá thường xuyên xảy ra động đất, rơi thiên thạch... (...) Chúng ta cần nhớ rằng, lòng thiện và tri thức sẽ thúc đẩy quá trình hiện thực hóa dự báo tích cực về sự phát triển của loài người; còn cái ác và thói hám quyền có thể dẫn đến thảm họa toàn cầu trong tương lai, kể cả ngày tận thế, hoặc tạo điều kiện phát triển yếu tố thụt lùi, dẫn đến hóa hoang.”

Tất cả điều này đã được Thánh giáo Cao Đài xác nhận: “*Chỗ tối yếu huyền năng chánh pháp là tịnh tâm. Tâm tịnh thì hơn đục sẽ lặng yên. Hơn đục lặng yên, lẽ Trời mới thông suốt. Thế nên có câu: ‘Nhất thiết chư pháp giai tùng tâm sanh’. Tuy một việc rất dễ dàng, xem như không, mà phải tìm cho được trọn vẹn trong cái không sẽ trở lại có.*”⁻⁷

Và Đức Vô Cực Từ Tôn cũng khẳng định: “*Đạo không có ở ngoài thân con mà pháp là phương tiện. Con hiểu được Đạo, hành được Đạo là thị hiện được pháp. Khi pháp hiển dương tất nhiên con đủ quyền năng giúp đời độ chúng.*”⁻⁸

Công năng Đại Định sẽ được nhận diện như lời dạy của Đức Đông Phương Chưởng Quản: “*Chư đệ muội sẽ thấy được qua diện mạo đoan trang vui vẻ, sắc khí chơn thuần, mắt*

7. Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

8. Đức Vô Cực Từ Tôn, Vĩnh Nguyên Tự, 11-11 Bính Thìn (31-12-1976).

trong sáng, tương ung dung, lời nói hòa nhã dễ cảm, lòng người mến phục, sẵn sàng tế chúng độ nhơn, không nệ hà gian lao khổ nhọc. Đó là tất cả những gì thấy được ở người đạt được đạo quả.” -⁹

Tóm lại, để đạt được Công năng Đại Định không phải là một điều dễ dàng, nhất là trong bối cảnh hành giả còn quá nhiều nghiệp chướng tiền khiên, khó đạt được chỗ tâm thanh tịnh là điều kiện tiên quyết để bước vào trạng thái nhập định sâu lắng để chứng ngộ đạo pháp. Tuy nhiên, không còn sự chọn lựa nào khác hơn vì như lời Đức Quảng Đức Chơn Tiên, nếu thiếu sẽ ảnh hưởng đến việc hành đạo, tức là khó hoàn thành sứ mạng trên đường trở lại bến khởi nguyên, là phải nỗ lực tu trì với lòng quyết tâm học và hành theo lời dạy của Đức Từ Tôn cùng với tâm thành nguyện cầu nguyện được sự hộ trì giúp sức của các Đấng Thiêng Liêng.

*“Đại Thừa pháp con ôi giản dị,
Do âm dương thần khí vận hành,
Trong cơ động tịnh khinh thanh,
Lắng lòng tư duy đạo lành hoằng dương..” -¹⁰*

9. Đức Đông Phương Chưởng Quán, Minh Đức Tu Viện, 24-01 Đinh Tỵ (13-3-1977).

10. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-8 Tân Dậu (11-9-1981).